

Thực trạng nhu cầu tự khẳng định của sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam

Phạm Thanh Bình*, Phan Diệu Mai*, Nguyễn Thị Phụng**

*TS, **ThS. Khoa Khoa học cơ bản, Học viện Phụ nữ Việt Nam

Received: 26/9/2023; Accepted: 2/10/2023; Published: 12/10/2023

Abstracts: The article addresses the current situation of the need for self-affirmation of students at the Vietnam Women's Academy. Research results show that: The need for self-affirmation of students at the Vietnam Women's Academy in the study was assessed at an average level. The need to express oneself is appreciated by students more than the need to be recognized. The need to demonstrate ability, creativity and decision-making is desired by students to be affirmed at a higher level than the need to be recognized for their ability, loved and respected by others. The need for self-affirmation is higher in men than in women, the second year is higher than the first year, and students living in rural areas have a lower need for self-affirmation than students living in urban areas. The need for self-affirmation of business administration students is the highest, followed by law, social work and psychology. The researched students' need for self-affirmation is expressed in a variety of ways and there are many factors that impact this need. If measures are taken to organize group activities and individual psychological counseling activities for students, it can enhance and fulfill these needs of the students.

Keywords: Self-affirmation, self-affirmation needs, students, self-affirmation needs of students of Vietnam Women's Academy.

1. Đặt vấn đề

Nhu cầu tự khẳng định (NCTKĐ) là nhu cầu chiếm một vị trí quan trọng trong hệ thống các nhu cầu, là nhu cầu bậc cao của con người. NCTKĐ của con người nói chung, của sinh viên (SV) nói riêng phải được nghiên cứu trong mối quan hệ giữa SV với người khác và liên quan đến năng lực của con người. Trên thực tế, xã hội ngày càng phát triển, các khủng hoảng tâm lý ngày càng nhiều và con người luôn tìm cách trả lời câu hỏi: Tôi là ai? Tôi có vị trí như thế nào trong gia đình, cộng đồng, xã hội? Điều này đã thúc đẩy NCTKĐ ngày càng gia tăng. NCTKĐ tạo ra tính tích cực và động lực để cá nhân được thể hiện bản thân, được khẳng định mình trong cuộc sống hay để họ sống và làm việc theo đam mê và cống hiến hết mình cho xã hội.

SV là những người đang chuẩn bị kiến thức và kinh nghiệm để bước vào hoạt động lao động nghề nghiệp. Trong quá trình học tập trên giảng đường, cùng với việc cố gắng hoàn thành nhiệm vụ học tập, SV còn tham gia nhiều các hoạt động khác như: hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động hỗ trợ học tập, hoạt động giao tiếp, hoạt động xã hội, thậm chí có cả hoạt động kiếm sống... Với những hoạt động đặc thù này, SV phải TKĐ mình ở mỗi một lĩnh vực là vô cùng cần thiết và quan trọng. Nói như thế để thấy, NCTKĐ đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với. Với SV, NCTKĐ góp phần phản ánh các đặc điểm tâm lý của

SV, thúc đẩy SV phấn đấu trong học tập và rèn luyện. Khi SV có NCTKĐ ở mức độ cao, SV ấy khao khát được thể hiện tất cả năng lực, tính cách, trí tuệ của mình và đòi hỏi mọi người phải công nhận năng lực, tính cách, trí tuệ ấy. Đặc biệt, khi SV có NCTKĐ, SV có những động cơ phấn đấu rõ ràng, biết đặt ra mục tiêu để quyết tâm đạt được những gì mình kỳ vọng.

2. Nội dung nghiên cứu.

2.1. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 354 SV năm thứ nhất (K10) và năm thứ 2 (K9) năm học 2022 - 2023 của 4 ngành: Tâm lý học (TLH), Công tác xã hội (CTXH), Quản trị kinh doanh (QTKD), Luật về thực trạng NCTKĐ bằng các phương pháp nghiên cứu như: điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu trường hợp.

2.2. Một số khái niệm cơ bản

2.2.1. Khái niệm NCTKĐ của SV

NCTKĐ của SV được các tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Có rất nhiều lĩnh vực SV có thể TKĐ mình như: TKĐ trong lĩnh vực nghề nghiệp, TKĐ trong lĩnh vực học tập, TKĐ trong các hoạt động đoàn, nổi trội ở một số tài lẻ, mong muốn mình là người sành điệu.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá và mức độ NCTKĐ của SV

+ Tiêu chí đánh giá: Tính bức xúc; Tính thúc đẩy; Tính hài lòng
+ Mức độ NCTKĐ của SV

Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá về NCTKĐ của SV, mức độ NCTKĐ của SV được đánh giá như sau:

Bảng 2.1. Mức độ NCTKĐ của SV

Mức độ	Tính bức xúc	Tính thúc đẩy	Tính hài lòng
Rất cao	Đòi hỏi, gay gắt được thỏa mãn	Rất tích cực, thôi thúc, động lực rất rõ	Rất mãn nguyện, vừa ý về NCTKĐ
Cao	Đòi hỏi mạnh mẽ được thỏa mãn	Tích cực, có động lực hoạt động để được thỏa mãn	Mãn nguyện, vừa ý về NCTKĐ
Trung bình	Khi rõ/ khi không rõ đòi hỏi được thỏa mãn	Khi rõ/ khi không rõ tích cực hoạt động để được thỏa mãn	Không rõ/ khi không rõ mãn nguyện về NCTKĐ
Thấp	Ít hay không rõ đòi hỏi được thỏa mãn	Ít, không tích cực hoạt động để được thỏa mãn	Ít mãn nguyện/ vừa ý về NCTKĐ
Rất thấp	Hoàn toàn không đòi hỏi được thỏa mãn	Hoàn toàn không tích cực, không có động lực hoạt động để được thỏa mãn	Hoàn toàn không mãn nguyện/ vừa ý về NCTKĐ

2.3. Thực trạng NCTKĐ của SV Học viện Phụ nữ Việt Nam

2.3.1. Thực trạng chung về NCTKĐ của SV Học viện Phụ nữ Việt Nam

Kết quả khảo sát cho thấy, NCTKĐ của SV Học viện Phụ nữ Việt Nam trong nghiên cứu đánh giá với ĐTB = 2.69 - Mức TB. Trong đó nhu cầu được thể hiện mình được SV đánh giá cao hơn nhu cầu được công nhận mình (ĐTB lần lượt là 2.77 và 2.61). Tức là nhu cầu được thể hiện năng lực, sáng tạo và quyết định được SV mong muốn khẳng định ở mức cao hơn so với nhu cầu được người khác công nhận năng lực, được yêu thương và được tôn trọng.

2.3.2. Thực trạng mức độ từng mặt NCTKĐ của SV Học viện Phụ nữ Việt Nam

Thực trạng mức độ nhu cầu được công nhận mình

Nhu cầu được công nhận năng lực được xem xét qua ba hoạt động chính của SV: Hoạt động học tập, hoạt động giao tiếp và hoạt động xã hội. Nhu cầu được công nhận năng lực của SV được thể hiện qua việc SV mong muốn được mọi người nhìn nhận mình là người học giỏi, có kĩ năng mềm tốt, có kĩ năng gắn kết giữa các thành viên trong nhóm làm việc.

Nhìn chung, nhu cầu được công nhận năng lực trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội của SV đạt ở mức 2.98 – mức TB. Trong tính bức xúc về nhu cầu được công nhận năng lực, item được SV đánh giá ở mức độ thấp nhất, đó là: “*Tôi mong muốn được mọi người nhìn nhận tôi là người có kỹ năng chép bài tốt*” với ĐTB = 2.67. Kết quả này cho thấy, SV không muốn được công nhận với những nhu cầu ít liên quan đến sự sáng tạo của các em như vấn đề liên quan đến kỹ năng chép bài và tỏ ra bức xúc khi đánh giá về nhu cầu này.

Thực trạng mức độ nhu cầu được yêu thương trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội

Nhu cầu được yêu thương trong hoạt động học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội được thể hiện qua việc SV mong muốn được cùng các bạn thảo luận về các vấn đề khó trong học tập, mong muốn được bạn bè yêu quý những điều mình chia sẻ hay đòi hỏi bản thân luôn nhận được sự quan tâm của tập thể. Thực trạng mức độ nhu cầu được yêu thương trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội của SV.

Kết quả khảo sát cho thấy, nhu cầu được yêu thương trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội được SV đánh giá ở mức Thấp (ĐTB = 2.36). Nhu cầu được yêu thương trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội được xem xét qua 3 tiêu chí: Tính bức xúc, tính thúc đẩy, tính hài lòng. Trong tính bức xúc về nhu cầu được yêu thương, item “*Tôi mong muốn quy tụ các bạn để cùng cô lập một thành viên trong lớp*” được SV đánh giá ở mức độ cao nhất ĐTB = 2.47, tiếp theo là đến item “*Tôi thích thể hiện mình là người không muốn chơi với các bạn học kém*” với ĐTB = 2.46 – mức thấp.

Thực trạng mức độ nhu cầu được tôn trọng trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội

Nhu cầu được tôn trọng trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội được SV thể hiện qua việc mong muốn được mọi người đánh giá cao bản thân trong các đợt khen thưởng, được thừa nhận mình là người có tố chất lãnh đạo, hay các thành viên trong lớp tôn vinh mình là người uống rượu giỏi nhất hoặc được mọi người đánh giá mình là người có phong cách sành điệu.

Nhu cầu được tôn trọng trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội được đo ở 3 tiêu chí: SV bức xúc về nhu cầu được tôn trọng ở mức độ nào, SV hoạt động tích cực ra sao và SV hài lòng với những biểu hiện nhu cầu được tôn trọng ở mức độ nào. Kết quả chung cho thấy, nhu cầu được tôn trọng trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội ở mức độ Thấp với ĐTB = 2.47. Các item của bảng đều có thứ bậc ĐTB tương đồng ở cả tính bức xúc, tính thúc đẩy và tính hài lòng. Item “*Tôi khao khát được mọi người nhìn nhận mình là người sành điệu*” được SV đánh giá tính bức xúc ở mức độ cao nhất (ĐTB = 2.56 – mức Thấp). Được thầy cô, đặc biệt là bạn bè và những người xung quanh ghi nhận mình sống sành điệu, thể hiện là người biết ăn mặc, giao tiếp linh hoạt, năng động là nhu cầu, mong muốn thể hiện của các em, mặc dù kết quả thực trạng ở mức độ thấp.

Kết quả điều tra khi đo mức độ hài lòng của SV về nhu cầu được tôn trọng trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội tiếp cho thấy, item “*Tôi khao khát*

được mọi người nhìn nhận mình là người sành điệu” được SV đánh giá đánh giá ở mức độ cao nhất (ĐTB = 2.70 – mức Thấp), tiếp theo là item “Tôi muốn thể hiện mình là người có thể tự do nghỉ học mà không cần xin phép GV” với ĐTB = 2.56 và item “Tôi mong muốn được mọi người nhìn nhận mình là người uống rượu giỏi nhất trong nhóm bạn” (ĐTB = 2.51). Số liệu này chứng minh rằng, SV đã cảm thấy, không hài lòng lắm khi SV nghỉ học không xin phép giảng viên và thể hiện bằng việc mình uống rượu tốt.

Thực trạng mức độ nhu cầu được thể hiện năng lực trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội

Nhu cầu được thể hiện năng lực trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội của SV được biểu hiện qua việc SV mong muốn trở thành lãnh đạo nhóm, bản thân được nhận nhiệm vụ khó khăn do nhóm, do tập thể giao phó. Bên cạnh đó, nhu cầu được thể hiện năng lực của SV còn được biểu hiện qua việc SV muốn thể hiện mình là người có kỹ năng “quay bài” trong thi cử tốt. Thậm chí, SV muốn thể hiện năng lực qua khao khát được mọi người nhìn nhận mình là người chơi game giỏi nhất lớp.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong tính bức xúc về nhu cầu muốn được thể hiện năng lực trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội, item “Tôi mong muốn tôi được lãnh đạo nhóm và tôi thường xuyên nghĩ xấu về người mà tôi không thích” được SV đánh giá ở mức cao nhất (ĐTB = 2.43 – mức Thấp).

Thực trạng mức độ nhu cầu được thể hiện sáng tạo trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội

Nhu cầu được thể hiện sáng tạo trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội được thể hiện qua việc SV khao khát được trình bày vấn đề học tập theo lối tư duy và cách hiểu của riêng mình, mong muốn được mọi người nhìn nhận mình là người có khả năng đưa ra các kế hoạch, ý tưởng ... Thậm chí, nhu cầu được thể hiện sáng tạo của SV còn được biểu hiện qua việc các em thích thể hiện mình là người chơi hết mình, biết đưa ra các ý tưởng để có thể “chơi tới bến” ...

Nhu cầu được thể hiện sáng tạo trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội của SV đạt ở mức TB (ĐTB = 3.06). Trong tính bức xúc về nhu cầu được thể hiện sáng tạo, item “Tôi khao khát được trình bày vấn đề học tập theo lối tư duy và cách hiểu của riêng mình” được SV đòi hỏi ở mức độ cao nhất (ĐTB = 3.22 – mức TB). Hiện nay SV được đào tạo theo mô hình tín chỉ, SV tự sắp xếp kế hoạch học tập và chủ động với kế hoạch học tập của mình. Mô hình học tập theo tín chỉ khác với mô hình học tập theo niên chế trước đây ở chỗ: người học là trung tâm, GV chỉ là người hướng dẫn và SV là những người phải chủ động tiếp cận với nguồn tri thức mới. Kết quả nghiên cứu khẳng định.

Thực trạng mức độ nhu cầu được thể hiện quyết định trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội

Nhu cầu được thể hiện quyết định trong học tập, giao tiếp và hoạt động xã hội được SV biểu hiện qua mong muốn được bạn bè nhìn nhận mình là người có quyết định đúng trong cách giải bài tập mới, hay mong muốn quyết định của mình được đoàn thể nhất trí cao...

Nhu cầu được thể hiện quyết định của mình được SV đánh giá ở mức ĐTB = 2.79 – mức TB. Giống nhu cầu được công nhận mình, nhu cầu được thể hiện mình cũng được xem xét qua 3 tiêu chí: Tính bức xúc, tính thúc đẩy, tính hài lòng. Kết quả này khẳng định, SV, ngoài hoạt động học tập rất muốn được mọi người nhìn nhận và đánh giá cao quyết định của mình trong các hoạt động xã hội và đoàn thể.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực trạng NCTKD của SV Học viện Phụ nữ Việt Nam như sau: Ở cả nhu cầu được công nhận mình và nhu cầu được thể hiện mình, SV nam đánh giá NCTKD cao hơn SV nữ; hầu hết SV ngành QTKD và ngành Luật thể hiện NCTKD ở mức độ cao hơn so với SV ngành CTXH và TLH; kết quả nghiên cứu còn khẳng định, các em SV năm thứ nhất thể hiện NCTKD thấp hơn so các em SV năm thứ hai. Các em SV năm thứ hai là những đối tượng đã tích lũy được khá nhiều kiến thức chuyên ngành. Hơn thế, các em đã thích nghi được với môi trường học tập so với các em SV năm thứ nhất. Bên cạnh việc học kiến thức chuyên ngành, các em SV năm thứ hai đã được tham gia nhiều hơn hoạt động tập thể của lớp, của đoàn, dần tích lũy kinh nghiệm và trở nên tự tin hơn; hầu hết SV xuất thân từ khu vực nông thôn đánh giá NCTKD thấp hơn so với SV xuất thân từ khu vực thành thị; SV sống trong gia đình có bố mẹ ly hôn sẽ có NCTKD thấp hơn so với SV đang sống cùng cả bố và mẹ. Với những SV có bố mẹ ly hôn, thường các em đã trải qua những biến động tâm lý trong quá khứ.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Thu Thủy (2006). *Nhu cầu thành đạt nghề nghiệp của trí thức trẻ*. Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học.
2. Lê Phương Tuệ (2005). *Các mức độ biểu hiện NCTKD của trẻ mẫu giáo qua trò chơi đóng vai theo chủ đề*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Mai Phương (2003). *Một số biện pháp giáo dục kỹ năng tự khẳng định cho trẻ mẫu giáo lớn trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ*. ĐH Sư phạm Hà Nội.
4. Phạm Thanh Bình (2014). *Nhu cầu tham vấn tâm lý học đường của học sinh Trung học cơ sở*. Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.